

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/15



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** Thôn 38, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Xuân Phương - Địa chỉ: Thôn 2, Xuân Thượng, xã Xuân Hồng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đình Xuân Thọ - Địa chỉ: Thôn 5, Xuân Thượng, xã Xuân Hồng, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 18/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 18/3/2026 đến 31/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,81	7,92	7,87	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,62	0,63	0,52	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,64	0,59	0,43	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,12	0,640	1,28	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,46	0,955	1,45	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	10,3	9,72	9,95	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	104	104	107	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,75	9,48	8,75	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	115	114	116	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/15



- 1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Trường
- 2. Địa chỉ: Thôn 38, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- 3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Xuân Phương - Địa chỉ: Thôn 2, Xuân Thượng, xã Xuân Hồng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Đinh Xuân Thọ - Địa chỉ: Thôn 5, Xuân Thượng, xã Xuân Hồng, tỉnh Ninh Bình

- 5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
- 6. Ngày lấy mẫu: 18/3/2026
- 7. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
- 8. Thời gian thử nghiệm: 18/3/2026 đến 20/3/2026
- 9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- 3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- 4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- 5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/16

- 1. Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- 2. Địa chỉ: Thôn Quyết Tiến 2, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
- 3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của chi nhánh cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Văn Phôi - Địa chỉ: Xóm Hoàn Lộ Nam, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Hoàng Anh Thân - Địa chỉ: Xóm Sơn Hà, xã Giao Phúc, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3:
Bùi Thị Sen - Địa chỉ: Xóm Sơn Hà, xã Giao Phúc, tỉnh Ninh Bình

- 5. Lượng mẫu: 3,5 Lít/mẫu
- 6. Ngày lấy mẫu: 17/3/2026
- 7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải
- 8. Thời gian thử nghiệm: 17/3/2026 đến 31/3/2026
- 9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
I	Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	6,0	5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	8,32	8,14	7,91	7,90	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,74	0,67	0,75	0,61	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,55	0,59	0,91	0,71	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,960	0,640	0,800	0,96	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B									
8	Nitrit (NO ₂ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,42	1,28	1,80	1,52	Đạt
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	10,1	11,2	9,92	10,5	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	112	104	100	102	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,2	10,2	9,84	9,48	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	0,291	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	115	115	116	116	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/TNĐ/16



1. Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
2. Địa chỉ: Thôn Quyết Tiến 2, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:
- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Văn Phôi - Địa chỉ: Xóm Hoành Lộ Nam, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Hoàng Anh Thân - Địa chỉ: Xóm Sơn Hà, xã Giao Phúc, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3:
Bùi Thị Sen - Địa chỉ: Xóm Sơn Hà, xã Giao Phúc, tỉnh Ninh Bình
5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 17/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải
8. Thời gian thử nghiệm: 17/3/2026 đến 20/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thẩm



KT, GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Tân
2. Địa chỉ: Thôn 27, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:
- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Minh Đức - Địa chỉ: Thôn 13, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Thị Cài - Địa chỉ: Thôn 7, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
5. Lượng mẫu: 3,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 17/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
8. Thời gian thử nghiệm: 17/3/2026 đến 31/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,80	7,71	7,68	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,48	0,47	0,60	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,60	0,40	0,35	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,76	1,76	1,76	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,07	1,30	1,48	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	36,5	35,2	32,1	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	178	138	151	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	233	219	233	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,234	< 0,2	0,274	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	493	487	470	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Tân
2. Địa chỉ: Thôn 27, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:
- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Minh Đức - Địa chỉ: Thôn 13, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Thị Cải - Địa chỉ: Thôn 7, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 17/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
8. Thời gian thử nghiệm: 17/3/2026 đến 20/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KP GIÁM ĐỐC

TP GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Quyết định/2026/NĐ/18



VILAS 1228

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Thôn Đại An, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Lê Chí Tâm - Địa chỉ: Xóm Thượng, xã Nam Trục, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Đức Duyệt - Địa chỉ: Phố Cầu Chanh, xã Nam Trục, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 18/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 18/3/2026 đến 31/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,97	7,86	7,78	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,42	0,84	0,95	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,49	0,32	0,42	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,640	0,640	0,640	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,47	1,27	1,54	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	10,7	11,4	11,7	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	104	104	107	Đạt
12	Clorua *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,2	10,2	10,2	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	0,055	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	< 0,05	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	119	118	117	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nghĩa An
2. Địa chỉ: Thôn Đại An, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Lê Chí Tâm - Địa chỉ: Xóm Thượng, xã Nam Trục, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Đức Duyệt - Địa chỉ: Phố Cầu Chanh, xã Nam Trục, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 18/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải
8. Thời gian thử nghiệm: 18/3/2026 đến 20/3/2026
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nam Dương
2. Địa chỉ: Thôn Thi Châu A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Văn Sơn - Địa chỉ: Thôn Phúc Thiên, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đoàn Quốc Tuấn - Địa chỉ: Thôn Xấy Phan, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
5. Lượng mẫu: 3,5 lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 17/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải
8. Thời gian thử nghiệm: 17/3/2026 đến 31/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	KPH	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	8,06	8,11	7,89	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,19	0,31	0,53	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,47	0,38	0,61	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,800	< 0,5	0,800	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,44	1,48	1,74	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	12,2	11,5	10,8	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	102	94,0	99,0	Đạt
12	Clorua *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,02	8,75	8,75	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	< 0,04	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,200	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	116	115	116	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

(Signature)

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- 3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- 4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- 5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
- 6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Ng: 2026/NĐ/19



VILAS 1228

- Tên khách hàng: Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ: Thôn Thi Châu A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Văn Sơn - Địa chỉ: Thôn Phúc Thiên, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đoàn Quốc Tuấn - Địa chỉ: Thôn Xấy Phan, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu: 17/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm: 17/3/2026 đến 20/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Ngày: 2026/NĐ/20



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Thôn 2 Nghĩa Trung, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Văn Lạp - Địa chỉ: Thôn 8 Nghĩa Trung, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Văn Tuyên - Địa chỉ: Thôn Nam Sơn, thị trấn Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 3,5 lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 18/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 18/3/2026 đến 31/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,72	7,60	7,66	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,27	0,38	0,30	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,57	0,64	0,67	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,640	0,640	0,800	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,27	1,41	1,45	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	11,4	11,9	10,0	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	118	99,0	109	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	17,5	18,2	20,4	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	< 0,04	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,211	0,297	0,263	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW* 2540C:2023	126	129	128	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nghĩa Hưng
2. Địa chỉ: Xóm 2, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Văn Lạp - Địa chỉ: Thôn 8 Nghĩa Trung, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Văn Tuyên - Địa chỉ: Thôn Nam Sơn, thị trấn Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 18/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thúy Nga
8. Thời gian thử nghiệm: 18/3/2026 đến 20/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng: Nhà máy nước Quỹ Nhất
- Địa chỉ: Tổ dân phố 9, xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Văn Dương - Địa chỉ: Xóm An Ninh Đông, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Trần Văn Mạnh - Địa chỉ: Thôn 5, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình
- Lượng mẫu: 3,5 lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu: 18/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm: 18/3/2026 đến 31/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	8,03	8,08	8,03	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,19	0,65	0,41	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,71	0,26	0,22	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,60	1,12	1,12	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,15	1,40	1,03	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	35,1	44,8	40,9	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	170	154	139	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	219	219	219	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,274	0,211	0,303	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	456	593	557	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/ BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/21



- 1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Quý Nhất
- 2. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, xã Quý Nhất, tỉnh Ninh Bình
- 3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Văn Dương - Địa chỉ: Xóm An Ninh Đông, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Trần Văn Mạnh - Địa chỉ: Thôn 5, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình

- 5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
- 6. Ngày lấy mẫu: 18/3/2026
- 7. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thúy Nga
- 8. Thời gian thử nghiệm: 18/3/2026 đến 20/3/2026
- 9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/ BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm



KT, GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- 3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- 4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- 5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/22



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Yên Định
2. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Ngọc Thoan - Địa chỉ: Thôn 8 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Văn Đức - Địa chỉ: Thôn 3 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 3,5 Lit/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 18/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm
8. Thời gian thử nghiệm: 18/3/2026 đến 31/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,90	7,52	7,80	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,25	0,61	0,48	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,87	0,79	0,82	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,640	< 0,5	< 0,5	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,971	1,17	1,25	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	9,75	10,6	9,82	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	144	134	131	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	19,0	19,0	19,0	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,286	< 0,2	0,331	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	230	231	229	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/22



- Tên khách hàng: Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ: Tổ dân phố 4, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Ngọc Thoan - Địa chỉ: Thôn 8 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Văn Đức - Địa chỉ: Thôn 3 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu: 18/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm: 18/3/2026 đến 20/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/ BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Na/2026/NĐ/23



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Xóm 3, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Ngọc Văn - Địa chỉ: Xóm 9, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Văn Việt - Địa chỉ: Xóm 10, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 18/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 18/3/2026 đến 31/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,85	7,63	7,05	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,38	0,45	0,66	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,97	0,72	0,53	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,960	0,800	0,640	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,16	1,47	1,29	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	111	100	100	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	27,7	27,0	26,2	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,308	0,280	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	226	228	225	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/23



VILAS 1228

- Tên khách hàng: Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ: Xóm 3, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:
 - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Ngọc Văn - Địa chỉ: Xóm 9, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Vũ Văn Việt - Địa chỉ: Xóm 10, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu: 18/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm: 18/3/2026 đến 20/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Liên Bảo
2. Địa chỉ: Thôn Trung Phú, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:
- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Bùi Đức Thọ - Địa chỉ: Xóm Đồng, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Văn Hộ - Địa chỉ: Thôn Chinh Đông Hòe, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình
5. Lượng mẫu: 3,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 17/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
8. Thời gian thử nghiệm: 17/3/2026 đến 31/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,97	7,88	7,94	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,30	0,58	1,13	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,76	0,35	0,35	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,960	0,800	0,800	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,30	1,37	1,52	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	12,5	13,8	14,4	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	106	100	103	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,9	13,1	13,1	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	< 0,04	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	0,206	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	120	121	123	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

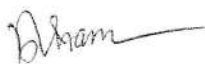
- Tên khách hàng: Nhà máy nước Liên Bào
- Địa chỉ: Thôn Trung Phú, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Bùi Đức Thọ - Địa chỉ: Xóm Đồng, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Văn Hộ - Địa chỉ: Thôn Chính Đông Hòe, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình
- Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu: 17/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm: 17/3/2026 đến 20/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/NV/2026/NĐ/25



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đặng Thị Đỏ - Địa chỉ: Tổ dân phố An Lộc, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Ngọc Chiến - Địa chỉ: Tổ dân phố Tiểu Liêm, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
- Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 17/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 17/3/2026 đến 31/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,63	7,83	7,84	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,49	0,36	0,84	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,71	0,77	0,89	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,800	< 0,5	< 0,5	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,48	1,05	1,57	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	13,1	11,6	10,5	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	108	104	102	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,2	8,02	8,02	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	< 0,04	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	0,229	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	124	114	113	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Ng: 0026/NĐ/25



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Mỹ Lộc
2. Địa chỉ: Thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đặng Thị Đỏ - Địa chỉ: Tổ dân phố An Lộc, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Ngọc Chiến - Địa chỉ: Tổ dân phố Tiểu Liêm, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 17/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm
8. Thời gian thử nghiệm: 17/3/2026 đến 20/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Ng: 2026/NĐ/26



- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Ý Yên - Trạm cấp nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** Thôn Đông Tiền Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Văn Phi - Địa chỉ: Xóm 2, xã Yên Trị, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Hoàng Văn Đình - Địa chỉ: Xóm Vĩnh Trị, xã Yên Trị, tỉnh Ninh Bình
- Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 18/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 18/3/2026 đến 31/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,80	7,86	7,84	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,16	0,21	0,45	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,65	0,25	0,41	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,960	0,800	1,12	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,31	1,44	1,46	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	11,6	11,9	11,1	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	105	104	105	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,2	13,1	14,6	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	120	115	121	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Ngày: 0026/NĐ/26



VILAS 1228

- Tên khách hàng: Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ: Thôn Đông Tiền Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Văn Phi - Địa chỉ: Xóm 2, xã Yên Trị, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Hoàng Văn Định - Địa chỉ: Xóm Vĩnh Trị, xã Yên Trị, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu: 18/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm: 18/3/2026 đến 20/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Ý Yên - Trạm cấp nước Yên Quang
2. Địa chỉ: Thôn 3, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:
- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Văn Luyện - Địa chỉ: Thôn Nhất Đoài, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Cao Văn Thiết - Địa chỉ: Thôn Đô Quan, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình
5. Lượng mẫu: 3,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 18/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
8. Thời gian thử nghiệm: 18/3/2026 đến 31/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	6,0	5,0	6,0	Đạt
2	Mùi.*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,71	7,50	7,57	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,27	0,29	0,84	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 ⁺ Cl.G:2023	0,71	0,27	0,23	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,92	1,92	1,92	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	4,32	4,30	5,00	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	28,7	28,9	26,8	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	149	130	137	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	48,8	48,1	45,2	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,314	0,263	0,280	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	227	226	219	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/27



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Yên Quang
2. Địa chỉ: Thôn 3, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Luyện - Địa chỉ: Thôn Nhất Đoài, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Cao Văn Thiết - Địa chỉ: Thôn Đô Quan, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 18/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
8. Thời gian thử nghiệm: 18/3/2026 đến 20/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số NV: 2026/NĐ/28



VILAS 1228

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Đình Nhiên - Địa chỉ: Thôn Điện Biên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đỗ Thị Dung - Địa chỉ: Thôn Đồng Xuyên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 17/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 17/3/2026 đến 31/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,81	7,94	7,91	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,59	0,52	0,71	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,67	0,35	0,21	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,800	< 0,5	0,640	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,57	1,42	1,67	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	10,7	12,0	12,1	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	101	97,0	100	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	9,48	10,2	10,2	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,223	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	115	117	116	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Ng: 2026/NĐ/28



VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Đại Thắng
2. Địa chỉ: Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Đình Nhiên - Địa chỉ: Thôn Điện Biên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đỗ Thị Dung - Địa chỉ: Thôn Đồng Xuyên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lit/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 17/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
8. Thời gian thử nghiệm: 17/3/2026 đến 20/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm



KT: GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.